

Số: 31/TTr-VTTC - HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2020

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua BCTC sau kiểm toán và**  
**phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin

Căn cứ kết quả thực hiện SXKD năm 2019 và Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO, Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHCĐ các chỉ tiêu trọng yếu trong Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 như sau:

**I. Các chỉ tiêu thực hiện năm 2019:**

**1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch ĐHCĐ 2019	Thực hiện	Tỷ lệ so sánh (%)
1	Tổng doanh thu	Tr đ	1.371.820	1.783.370	130
2	GTSX	Tr đ	62.746	86.502	137
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	8.350	13.613	163
4	Cổ tức/Vốn CP	%	14	Dự kiến 14%	100
5	Tổng quỹ lương	Tr đ	54.355	68.418	126
6	Tiền lương BQ/người/tháng	Tr đ	7,63	9,73	127

**2. Các chỉ tiêu Báo cáo tài chính năm 2019.**

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	31/12/2019	31/12/2018
<b>A</b>	<b>TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>			
	<b>Tổng tài sản</b>		<b>601.153</b>	<b>604.221</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100 - BCĐKT</b>	<b>567.487</b>	<b>559.968</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110 - BCĐKT	72.206	100.535
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120 - BCĐKT		
3	Các khoản phải thu	130 - BCĐKT	269.083	327.948
4	Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	224.944	129.564
5	Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	1.254	1.921
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200 - BCĐKT</b>	<b>33.666</b>	<b>44.253</b>



1	Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT	507	507
2	Tài sản cố định	220 - BCĐKT	11.536	12.322
-	Nguyên giá	222+225+228 - BCĐKT	38.783	37.636
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223+226+229 - BCĐKT	(27.247)	(25.314)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230 - BCĐKT	295	9.346
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT		
5	Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	21.328	22.078
	<b>Tổng nguồn vốn</b>		<b>601.153</b>	<b>604.221</b>
<b>I</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>300 - BCĐKT</b>	<b>541.081</b>	<b>546.685</b>
1	Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	541.081	546.685
2	Nợ dài hạn	330 - BCĐKT		
<b>II</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400 - BCĐKT</b>	<b>60.072</b>	<b>57.536</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411 - BCĐKT	25.000	25.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412 - BCĐKT		
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413 - BCĐKT		
4	Cổ phiếu ngân quỹ	414 - BCĐKT		
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416 - BCĐKT		
6	Quỹ đầu tư phát triển	418 - BCĐKT	24.241	22.207
7	Lợi nhuận chưa phân phối	421 - BCĐKT	10.831	10.281
8	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432 - BCĐKT		48
<b>B</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ</b>			
1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng Dthu (%)		0,76%	0,76%
2	Lợi nhuận trước thuế /vốn chủ sở hữu (%)		22,66%	22,48%
3	Tổng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu (lần)		8,89	9,38

## II. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Kế hoạch lợi nhuận năm 2019	Tr đồng	8.350
2	Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2019	Tr đồng	13.613
3	Nộp thuế TNDN năm 2019	Tr. đồng	2.782
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 (=2-3)	Tr đồng	10.831
5	Phân phối lợi nhuận năm 2019 sau thuế	Tr đồng	10.831
5.1	Trả cổ tức (14% vốn điều lệ)	Tr.đồng	3.500
5.2	Trích quỹ đầu tư phát triển (30%)	Tr đồng	2.199
5.3	Trích quỹ thưởng Người quản lý (< 1,5 tháng lương)	Tr đồng	300
5.4	Còn lại trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi người lao động	Tr đồng	4.832

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 sau kiểm toán và Phương án phân chia lợi nhuận của Công ty theo nội dung đã trình bày nêu trên .

Trân trọng. *km*

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS Cty;
- Lưu KTTC, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Thế Thành**

